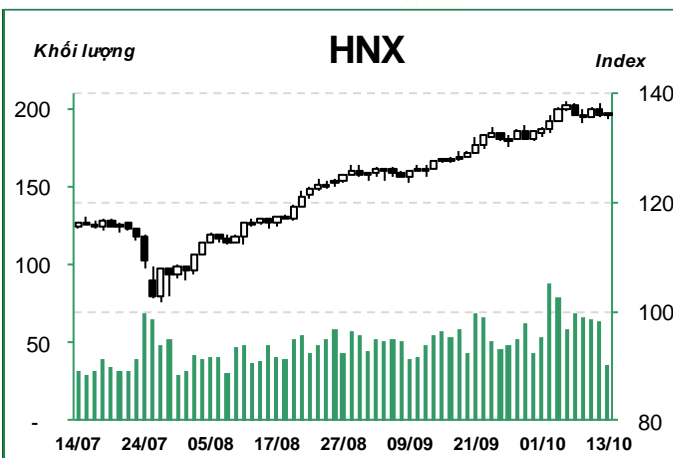
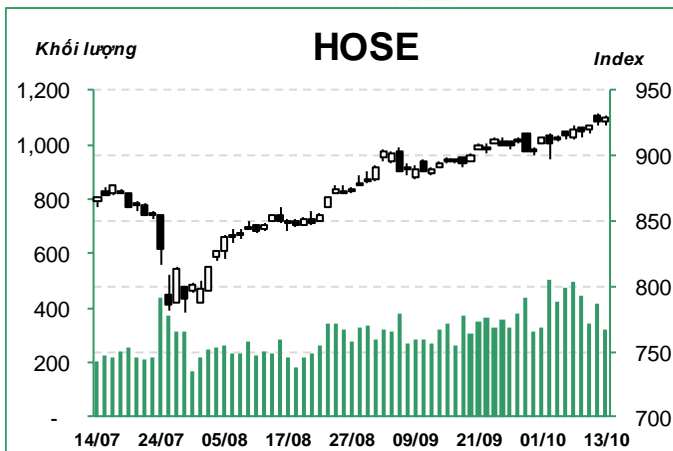


Tổng quan thị trường

13/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	929.86	0.44%	878.35	0.39%	136.15	0.18%
Cuối tuần trước	924.00	0.63%	874.53	0.44%	136.91	-0.55%
Trung bình 20 ngày	913.99	1.74%	860.96	2.02%	134.15	1.49%
Tổng KLGD (triệu cp)	359.01	-21.48%	118.31	-17.78%	39.62	-46.82%
KLGD khớp lệnh	322.97	-22.02%	103.92	-20.22%	35.13	-45.28%
Trung bình 20 ngày	388.30	-16.82%	120.57	-13.81%	59.83	-41.27%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,503.08	-27.78%	3,308.90	-22.88%	537.96	-45.39%
GTGD khớp lệnh	5,597.25	-27.27%	2,852.80	-25.55%	471.52	-39.59%
Trung bình 20 ngày	6,495.98	-13.84%	3,074.38	-7.21%	750.14	-37.14%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	185	39%	14	47%	83	23%
Số mã giảm	203	43%	12	40%	62	17%
Số mã đứng giá	84	18%	4	13%	210	59%



Thị trường có phiên giao dịch nhìn chung khá giằng co mặc dù cả 2 chỉ số đều đóng cửa tăng điểm. Ngoại trừ MSN và CTG tăng mạnh kéo điểm cho chỉ số, các trụ cột khác vẫn đang trong tình trạng phân hóa.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 929.86 điểm (+0.44%). Thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước với KLGD khớp lệnh đạt 323.0 triệu cổ phiếu (-22.0%), tương đương 5,597 tỷ đồng giá trị (-27.3%). Mặc dù chỉ số tăng điểm, áp lực bán vẫn đang đè nặng lên tâm lý thị trường khi số mã giảm nhiều hơn (203 mã giảm so với 185 mã tăng).

Động lực chính cho phiên tăng điểm của VN-Index hôm nay đến từ bộ đôi Masan-MSN (+6.6%) và Vietinbank-CTG (+5.0%) khi 2 cổ phiếu này bắt đầu bật tăng khá tốt từ cuối phiên sáng. Bên cạnh đó, một số trụ cột cũng có mức tăng điểm hỗ trợ chỉ số như Vietcombank-VCB (+0.7%), Vinhomes-VHM (+0.8%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+2.6%). Trong khi đó, với nhóm cổ phiếu midcap và penny, các cổ phiếu tăng mạnh trong phiên nay đáng chú ý như Tập đoàn FLC-FLC (+6.2%), Bảo hiểm BIDV-BIC (+7.0%), KCN Tân Tạo-ITA (+3.2%), Bất động sản Thế Kỳ-CRE (+5.0%). Ở chiều ngược lại, bộ đôi Sabeco-SAB (-2.2%), Habeco-BHN (-2.8%) giảm mạnh cùng với Hòa Phát-HPG (-0.9%), Thế giới di động-MWG (-1.2%), Novaland-NVL (-0.8%) có tác động tiêu cực đến chỉ số.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 28.6 tỷ đồng (-92.2%). Trong đó, Masan-MSN (-93.5 tỷ), BIDV-BID (-18.4 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (-14.1 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, Vietcombank-VCB (+50.2 tỷ), Hòa Phát-HPG (+26.4 tỷ), Vietinbank-CTG (+20.1 tỷ) hút dòng vốn ngoại tốt nhất trong phiên hôm nay.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	4,200.0	100.80
VNM	716.8	76.92
EIB	3,800.0	65.61
PNJ	914.6	58.00
SBT	3,103.5	53.38
VCB	574.0	49.59
NVL	780.0	47.67
KDH	1,970.0	47.32
HPX	1,550.0	43.09
VND	2,680.0	41.54
HNX		
ACB	830.0	19.92
VC3	830.0	13.79
VCG	310.0	12.09
NVB	800.0	8.08
SDA	1,250.0	5.63
GKM	175.0	2.94
SHB	160.0	2.48
PVS	100.0	1.24
THB	30.0	0.26

Trên sàn Hà Nội, dù lao dốc trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng HNX-Index đã hồi phục vào cuối phiên và đóng cửa tăng nhẹ tại mức 136.15 điểm (+0.18%). KLGĐ khớp lệnh đạt 35.1 triệu cổ phiếu (-45.3%), tương đương 471.5 tỷ đồng giá trị (-39.6%).

Lực cầu tăng mạnh ở một số trụ cột như Vinaconex-VCG (+1.2%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.4%), Vicostone-VCS (+1.6%) là động lực giúp HNX-Index quay trở lại sắc xanh vào cuối phiên. Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.6%), Bảo hiểm PVI-PVI (-1.0%), Thaiholdings-THD (-1.4%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Giao dịch khối ngoại trên sàn Hà Nội đang cho thấy những tín hiệu tích cực với phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp, đạt giá trị 2.0 tỷ đồng (-57.6%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều là Đầu tư Thành Đạt-DTD (+2.3 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.7 tỷ) và Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+0.6 tỷ). Trong khi đó, Vicostone-VCS (-1.1 tỷ), In Nông Nghiệp-INN (-0.4 tỷ), Idico-IDC (-0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên có thể do sự dịch chuyển của dòng tiền từ nhóm cổ phiếu có vốn hóa nhỏ sang nhóm vốn hóa lớn, cho thấy chỉ số có thể vận động với biên độ lớn hơn trong những phiên tới. Không những vậy, chỉ số duy trì mức đóng cửa trên MA5 và chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho tín hiệu củng cố xu hướng phục hồi hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy đà phục hồi đang gia tăng và chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên tăng điểm trở lại. Chỉ số đi lên đóng cửa trên MA5 và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiến lên thử thách lại ngưỡng kháng cự 138.3 điểm (đỉnh cũ 2018). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và có tính dẫn dắt thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BIC	21.4	480.8	7.0%
HU1	6.0	0.0	7.0%
TDP	27.2	2.1	6.9%
DTL	6.9	1.1	6.9%
FDC	15.6	9.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTE	7.7	0.0	-7.0%
BTT	36.3	0.0	-6.9%
L10	15.0	0.0	-6.9%
TNC	26.3	0.4	-6.4%
CIG	1.9	0.4	-6.4%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	74.8	334.9	6.6%
CTG	30.6	327.6	5.0%
TCB	21.4	304.1	0.9%
HPG	28.0	299.2	-0.9%
HSG	15.4	217.6	-2.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	4.3	23,302.3	6.2%
ITA	5.2	17,517.2	3.2%
TCB	21.4	14,215.2	0.9%
HSG	15.4	13,968.0	-2.9%
STB	13.5	12,669.1	1.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BNA	28.6	128.0	10.0%
HAD	14.5	26.2	9.9%
QHD	23.7	0.1	9.7%
KTS	13.7	0.1	9.6%
MAS	39.4	0.4	9.4%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SDN	27.0	11.0	-10.0%
MDC	6.6	2.2	-9.6%
DC2	9.7	1.0	-9.4%
TTZ	4.0	31.2	-9.1%
VC9	5.0	1.1	-9.1%

Top 5 giá trị

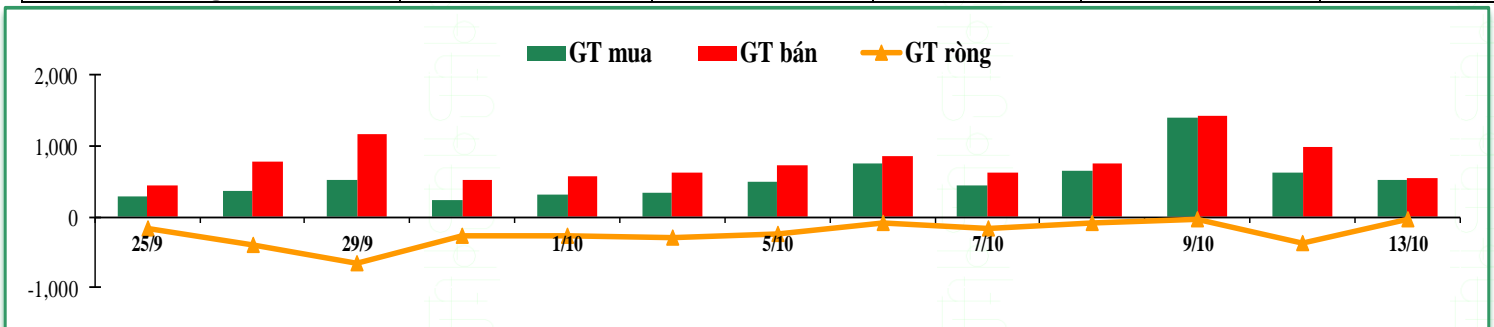
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	123.9	0.4%
PVS	13.7	65.7	0.0%
SHB	15.4	33.8	-0.7%
SHS	13.2	27.2	-1.5%
NVB	9.4	26.4	2.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	5,325.1	0.4%
PVS	13.7	4,798.4	0.0%
NVB	9.4	2,841.4	2.2%
SHB	15.4	2,182.1	-0.7%
SHS	13.2	2,052.0	-1.5%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	507.5	9.1%	536.1	9.6%	-28.6
HNX	24.7	5.2%	22.7	4.8%	2.0
Tổng số	532.2		558.8		-26.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	107.1	102.6	0.1%
CTG	30.6	53.8	5.0%
VCB	86.5	52.1	0.7%
HPG	28.0	40.4	-0.9%
PNJ	62.5	38.8	0.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	74.8	114.1	6.6%
VNM	107.1	99.8	0.1%
PNJ	62.5	38.8	0.8%
CTG	30.6	33.7	5.0%
TCB	21.4	21.6	0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	86.5	50.2	0.7%
HPG	28.0	26.4	-0.9%
CTG	30.6	20.1	5.0%
VIC	94.1	15.8	0.2%
DCM	12.0	12.2	0.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	19.9	0.4%
DTD	22.0	2.3	0.5%
IDV	52.9	0.7	0.4%
SHS	13.2	0.6	-1.5%
NTP	32.6	0.4	-0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.4	19.9	0.4%
VCS	76.2	1.1	1.6%
BVS	12.6	0.5	-0.8%
INN	30.6	0.4	2.3%
IDC	24.0	0.4	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DTD	22.0	2.3	0.5%
IDV	52.9	0.7	0.4%
SHS	13.2	0.6	-1.5%
NTP	32.6	0.4	-0.6%
SDN	27.0	0.3	-10.0%

Tin trong nước

Quan tâm hơn nữa FDI tại Việt Nam

Tháng 8 năm ngoái, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW khẳng định khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, cạnh tranh công bằng và lành mạnh với các khu vực kinh tế khác.

Trong hơn 33 năm qua, khu vực FDI đã ngày càng phát triển, trở thành một trong những khu vực năng động nhất của nền kinh tế Việt Nam. Tính lũy kế cuối tháng 8/2020, cả nước có 32.539 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký là 381,2 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI đạt 223,1 tỷ USD, bằng 58,5% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

FDI góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế khi hiện gần 60% vốn FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, dầu khí, công nghệ thông tin.

FDI cũng đã góp phần tích cực hoàn thiện thể chế kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam.

Các mục tiêu cụ thể đối với FDI đã được đặt ra cho giai đoạn 2021 -2025. Theo đó, vốn đăng ký khoảng 150 đến 200 tỷ USD (30 đến 40 tỷ USD/năm); vốn thực hiện khoảng 100 đến 150 tỷ USD (20-30 tỷ USD/năm); tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025. Tỷ lệ nội địa hóa tăng từ 20 đến 25% hiện nay lên mức 30% vào năm 2025; tỷ lệ lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động từ 56% năm 2017 lên 70% vào năm 2025.

Tập đoàn Bảo Việt (BVH) chi 600 tỷ đồng trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông

Ngày 21/10 tới đây Tập đoàn Bảo Việt (mã chứng khoán BVH) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2019 bằng tiền tỷ lệ 8%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 800 đồng. Thời gian thanh toán vào 10/11/2020.

Như vậy với hơn 742,32 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chi khoảng 593 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

Năm 2019 Tập đoàn Bảo Việt đạt 33.309 tỷ đồng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tăng 12,5% so với năm trước đó. Lợi nhuận sau

thuế đạt gần 1.243 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế ghi nhận về cho chủ sở hữu Tập đoàn đạt hơn 1.188 tỷ đồng. EPS đạt 1.689 đồng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Bloomberg: Heineken muốn bán 200 triệu USD cổ phần Sabeco

Theo *Bloomberg*, Heineken đang muốn bán 25,2 triệu cổ phần SAB của Sabeco với giá 184.000 đồng/cp. Đây là mức giá đóng cửa phiên giao dịch hôm nay. Nếu thành công, thương vụ tương ứng gần 4.637 tỷ đồng (gần 200 triệu USD). Lượng cổ phiếu không bán hết bị hạn chế chuyển nhượng trong 60 ngày.

Lượng cổ phần nói trên đúng bằng của Able Win Gain Limited, tương đương với 3,93% vốn Sabeco.

Trước đó, giữa tháng 11/2019, Heineken Asia Pacific Pte.Ltd chuyển nhượng gần 5,2 triệu cổ phiếu SAB. Giá giao dịch thỏa thuận trên sàn là 234.400 đồng/cp, tổng giá trị 1.219 tỷ đồng. Sau giao dịch, tổ chức này còn nắm giữ gần 2,5 triệu cổ phiếu SAB, tỷ lệ 0,39% vốn.

Able Win và Heineken Asia đều được sở hữu bởi công ty mẹ là Heineken N.V. Như vậy, tổng sở hữu của nhóm Heineken hiện là 4,32% vốn.

Hiện ThaiBev là cổ đông lớn nhất với tỷ lệ sở hữu 53,59%, tiếp sau là Bộ Công Thương với 36% cổ phần.

SCIC bán hơn 36% vốn Vocarimex vào đầu tháng 11, giá khởi điểm 22.690 đồng/cp

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) thông báo chào bán cạnh tranh cả lô 44,2 triệu cổ phiếu, tương đương 36,3% vốn Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex, UPCoM: VOC). Với giá khởi điểm 22.690 đồng/cp, SCIC dự thu về tối thiểu 1.000 tỷ đồng.

Phiên đấu giá sẽ được tổ chức vào 14h30 ngày 4/11 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Sao Ta lập kỷ lục doanh thu thuần 1.620 tỷ đồng trong quý III

Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC) - một thành viên của Tập đoàn PAN vừa công bố báo cáo tài chính quý III với doanh thu tăng mạnh 45% đạt 1.620 tỷ đồng. Đây là con số kỷ lục theo quý, vượt qua mức trước đó là quý III/2019.

Tuy nhiên do các chi phí hoạt động tăng lên trong mùa dịch khiến lợi nhuận sau thuế giảm 8% còn hơn 70 tỷ đồng.

Trong quý vừa qua, Sao Ta đã tiêu thụ được hơn 6.500 tấn thành phẩm với doanh số 69,8 triệu USD, lập kỷ lục về bán hàng trong 25 năm hoạt động. Lũy kế 9 tháng có doanh số tiêu thụ đạt 138,2 triệu USD tăng 16,2% so cùng kỳ năm 2019, cao hơn mức bình quân ngành chỉ khoảng 10%.

Doanh thu thuần trong 9 tháng tăng 17% đạt 3.206 tỷ đồng và lợi nhuận giảm nhẹ 3% còn 162,4 tỷ đồng. Năm 2020, công ty đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 250 tỷ đồng, như vậy tiến độ hoàn thành kế hoạch hơn 67%.

Công ty ngành tôm đang chuẩn bị họp bất thường về phương án tăng vốn điều lệ thêm 20%, tương đương chào bán cho cổ đông hiện hữu 9,8 triệu cổ phiếu. Mục

tiêu huy động vốn là nhằm mở rộng vùng nuôi theo chỉ tiêu và xây dựng thêm nhà máy chế biến tôm cao cấp cho thị trường chiến lược EU. Nhà máy mới có công suất dự kiến 15.000 tấn/năm với tổng mức đầu tư 200-250 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Chốt lời	14/10/20	58	56.8	2.1%	68	19.7%	54.9	-3.3%	Áp lực quay lại xu hướng điều chỉnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HAX	Quan sát mua	14/10/20	15	16.5	Hai phiên điều chỉnh ko quá tiêu cực với vol giảm dần -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 14-14.5
2	TCB	Quan sát mua	14/10/20	21.4	24	Vol duy trì cao gần đây nhưng đà giảm có dấu hiệu chững lại, khả năng dòng tiền tham gia bắt đáy -> cần phiên tăng mạnh, đóng cửa > 21.8 sẽ cho khả năng quay lại xu hướng tăng
3	STK	Quan sát mua	14/10/20	15.75	16.8-17.2	Phiên tăng mạnh từ nền tích lũy cũng như break trendline giảm + vol cao -> khả năng bắt đầu nhịp tăng ngắn hạn
4	VOC	Quan sát mua	14/10/20	22.5	27	Phiên tăng mạnh break trendline giảm ngắn hạn và cắt lên lại MA50 còn hướng lên + vol cao -> khả năng quay lại xu hướng tăng trung hạn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	21/09/20	107.1	103.6	3.4%	112.5	8.6%	101.6	-2%	
2	HPG	Mua	28/09/20	28	25.75	8.7%	30	16.5%	25	-3%	
3	FPT	Mua	09/10/20	50.7	51.1	-0.8%	56	10%	50	-2%	
4	BVH	Mua	12/10/20	53.7	49.8	7.8%	55	10%	48	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 13/10/2020						Thông tin chứng quyền						
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,000	-17.4 %	-35%	1,315	64	62,700	0	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,250	-0.5 %	54%	13,067	27	50,700	952	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,770	-1.7 %	18%	238	16	50,700	1,492	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,670	-1.2 %	-1%	1,075	10	50,700	1,447	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,410	-2.1 %	-6%	35,976	93	50,700	694	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,250	0 %	-9%	12,054	66	50,700	1,403	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHPG2008	4,100	6,730	-3.3 %	64%	33,154	48	28,000	562	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	6,000	0.2 %	275%	6,231	16	28,000	2,765	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	8,800	-0.5 %	44%	6,618	97	28,000	2,075	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	10,620	-0.1 %	54%	2,808	49	28,000	4,098	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	9,770	-1.2 %	36%	3,961	188	28,000	3,026	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,210	-2.0 %	37%	1,949	139	28,000	2,502	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	3,970	-1.5 %	80%	7,743	93	28,000	683	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,460	-1.6 %	51%	46,048	66	28,000	2,017	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,330	-4.5 %	17%	1,887	27	17,500	25	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	690	-1.4 %	-66%	21	13	17,500	(0)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,830	-2.7 %	66%	630	16	17,500	511	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,950	-3.0 %	39%	12,444	93	17,500	454	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	2,450	52.2 %	7%	19,305	64	74,800	1,874	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2005	2,100	2,730	56.0 %	30%	14,544	16	74,800	2,976	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	3,950	33.0 %	108%	32,875	93	74,800	3,846	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	4,000	14.3 %	161%	36,034	55	74,800	4,408	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	400	11.1 %	-80%	1,267	13	106,200	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	20,540	-6.2 %	59%	2,433	48	106,200	19,546	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,130	-6.2 %	64%	7,532	14	106,200	2,130	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,950	0 %	84%	1,541	10	106,200	3,034	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,700	-4.3 %	93%	44,362	93	106,200	2,483	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	-	0 %	-100%	-	66	106,200	3,935	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,950	-3.7 %	36%	11,919	118	106,200	5,399	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	64	62,000	8	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,190	0.5 %	10%	165	148	62,000	708	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	130	0 %	-94%	887	13	62,500	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	430	4.9 %	-57%	29,259	16	62,500	258	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	880	0 %	-12%	33,803	93	62,500	459	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,250	2.3 %	35%	27,290	38	62,500	1,933	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,040	4.5 %	0%	28,430	118	62,500	2,604	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,290	-5.4 %	129%	15	16	41,650	2,338	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,910	-4.6 %	149%	44	10	41,650	4,058	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,560	-2.3 %	97%	150	93	41,650	2,350	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	0 %	-83%	7,183	64	2,310	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	570	3.6 %	-80%	3,868	64	16,350	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,060	-6.4 %	21%	246	64	13,450	1,631	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,620	3.2 %	87%	9,312	48	13,450	2,494	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	900	5.9 %	-17%	10,491	21	13,450	830	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,270	1.6 %	-15%	4,563	174	13,450	655	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,400	4.6 %	127%	10,396	38	13,450	3,282	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,000	3.5 %	82%	11,200	66	13,450	2,610	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2003	2,000	120	-36.8 %	-94%	35,612	13	21,400	(0)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,220	11.9 %	-59%	29,892	48	21,400	170	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,770	6.6 %	48%	10,241	16	21,400	1,712	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,500	6.4 %	-12%	122,198	93	21,400	863	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,460	3.6 %	-15%	96,293	66	21,400	787	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	800	-2.4 %	-74%	899	64	78,100	0	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,370	0 %	-53%	2,538	48	78,100	2,175	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	920	7.0 %	-8%	9,144	16	78,100	819	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	870	6.1 %	-38%	49,659	93	78,100	252	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	2,060	4.6 %	-29%	8,148	118	78,100	1,112	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	160	0 %	-93%	1,128	64	105,000	(0)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	140	0 %	-93%	7,092	16	105,000	(0)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,400	2.2 %	-30%	1,919	118	105,000	717	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	18,380	6.1 %	5%	5,610	48	107,100	9	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,010	3.8 %	101%	1,703	16	107,100	424	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,540	0.7 %	-36%	8	148	107,100	8	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,310	1.8 %	28%	15,995	93	107,100	105	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,730	0 %	51%	2,513	55	107,100	214	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,660	-0.4 %	-1%	2,969	118	107,100	313	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,200	-1.6 %	-65%	15,813	48	23,400	260	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	760	1.3 %	-55%	9,668	16	23,400	465	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,610	1.9 %	-11%	10,685	93	23,400	937	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,950	-5.8 %	20%	16,150	38	23,400	1,632	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	180	-25.0 %	-94%	20,267	64	27,200	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,430	-12.8 %	-64%	3,863	48	27,200	264	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,080	-6.9 %	-2%	6,488	16	27,200	1,058	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	490	4.3 %	-68%	101,939	174	27,200	81	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	920	-3.2 %	-23%	74,332	93	27,200	465	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
TCM (New)	HOSE	23,450	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,800	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,400	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV (New)	HOSE	19,850	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	11,050	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	62,500	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,600	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	47,800	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	62,700	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,600	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	86,500	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	49,600	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	56,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,200	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,250	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	106,200	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,000	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,300	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	120,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	74,800	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phs.vn